

ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT Ở CÁC HUYỆN VEN BIỂN THANH HÓA

Lê Hà Thanh¹

TÓM TẮT

Các huyện ven biển Thanh Hóa có nhiều sông chảy qua, với đường bờ biển dài và nhiều cửa lạch đã tạo nên đồng bằng bồi tích sông - biển. Đất phù sa, đất cát và đất mặn chiếm diện tích khá lớn trong các loại đất ở đây. Những loại đất này rất thuận lợi trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt là trồng lúa, hoa màu và các cây ngắn ngày. Trong những năm gần đây, hoạt động phát triển kinh tế - xã hội có nhiều thay đổi đã làm diện tích sử dụng đất của vùng có sự biến động. Bài viết này nghiên cứu đặc điểm tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất (2010 - 2015) ở các huyện ven biển Thanh Hóa, từ đó đưa ra định hướng sử dụng đất hợp lý hơn trong thời gian tới.

Từ khóa: *Vùng ven biển, Thanh Hóa, tài nguyên đất, hiện trạng sử dụng đất, đất phù sa.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng ven biển Thanh Hóa gồm 6 huyện, thị xã là Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, thị xã Sầm Sơn, Quảng Xương và Tĩnh Gia. Đây là cửa ngõ để Thanh Hoá tiếp cận với vùng biển rộng lớn về phía đông trên chiều dài 102 km đường bờ biển. Phía bắc tiếp giáp với huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, phía nam tiếp giáp với huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An, phía tây giáp với các huyện Hà Trung, thị xã Bim Sơn, Vĩnh Lộc, Thiệu Hóa, Đông Sơn, Nông Cống, Như Thanh và thành phố Thanh Hóa thuộc tỉnh Thanh Hóa, phía đông thuộc bộ phận phía Tây Nam của vịnh Bắc Bộ.

Thanh Hóa có 102 km đường bờ biển trải dài trên 32 xã thuộc 6 huyện, thị xã, phần đất liền có tổng diện tích gần 1,2 nghìn km² chiếm 10,6% diện tích toàn tỉnh, dọc bờ biển có 7 cửa lạch xen lẫn một số eo vịnh cùng các đảo ven bờ: đảo Nẹ, đảo Mê...

Vùng ven biển Thanh Hóa có nhiều tiềm năng phát triển nền kinh tế đa dạng, tuy nhiên hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng cao với hơn 60% cơ cấu GDP của vùng. Đây cũng là ngành kinh tế phụ thuộc rất lớn vào tự nhiên đặc biệt là tài nguyên đất. Do đường bờ biển dài, nhiều sông và cửa lạch nên đất cát, đất mặn và đất phù sa chiếm diện tích khá lớn. Nghiên cứu đặc điểm tài nguyên đất và hiện trạng sử dụng đất ở các huyện ven biển Thanh Hóa để đề xuất các giải pháp sử dụng đất hợp lý nhằm phát triển tổng hợp kinh tế và bảo vệ tài nguyên môi trường là việc làm rất cần thiết.

¹ Giảng viên khoa Khoa học Xã hội, Trường Đại học Hồng Đức

2. NỘI DUNG

2.1. Tài nguyên đất vùng ven biển Thanh Hóa

Thanh Hóa là tỉnh có đầy đủ cả 3 dạng địa hình núi, đồi và đồng bằng ven biển tạo nên sự đa dạng của các loại đất. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 1.116,34km² (1.116.340ha) gồm 10 nhóm đất chính với 28 loại đất khác nhau, trong đó diện tích đất ở các huyện ven biển khoảng 118.327,46 ha chiếm 10,6% diện tích tự nhiên của tỉnh.

Vùng đất ven biển được hình thành do sự lắng đọng phù sa sông và biển, phân bố thành dải đất từ Nga Điền (Nga Sơn) đến Hải Yến (Tĩnh Gia). Địa hình không bằng phẳng, thay đổi từ cao tới trũng do quy luật bồi tụ của phù sa sông, biển. Tầng đất ở đây dày, mạch nước ngầm chứa muối nơng, thành phần cơ giới từ thịt nặng đến cát thô, kết cấu đất chủ yếu rời rạc, tầng mặt giữ nước kém, thoát nước nhanh, nghèo chất dinh dưỡng. Cây trồng chủ yếu là cây hằng năm (lúa, ngô, lạc, đậu, vừng...). Tùy điều kiện riêng của từng loại đất, từng vùng mà nhân dân đã sử dụng cây trồng phù hợp với tính chất của đất. Theo kết quả phúc tra thổ nhưỡng bằng phương pháp của FAO-UNESCO, vùng ven biển Thanh Hoá có 8 nhóm đất chính với 14 loại đất khác nhau với đặc điểm và phân bố như sau:

Nhóm đất cát (C): Có diện tích 22.124,21ha, chiếm 18,7% diện tích tự nhiên của vùng, kéo dài thành nhiều dải từ Nga Sơn tới Tĩnh Gia. Loại đất này phân bố trên các dạng trung địa hình cồn, bãi cát xen giữa các vùng trũng khó thoát nước. Đất có thành phần cơ giới nhẹ (cát pha, cát thô), nghèo chất dinh dưỡng, khả năng giữ nước, giữ màu kém... nên năng suất cây trồng thấp. Đất cát biển rất tơi xốp nên dễ canh tác, thích hợp cho nhiều loại cây trồng như hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả, trồng rừng ven biển... và nuôi trồng thủy sản. Hiện nay vùng màu, cây công nghiệp của tỉnh tập trung ở loại đất này. Tuy nhiên trong quá trình canh tác cần tăng cường bón phân cho đất và áp dụng các biện pháp cải tạo đất. Loại đất này phân chia thành 3 tiểu vùng:

Tiểu vùng 1: Vùng đất cát biển chịu ảnh hưởng phù sa sông Hồng, sông Đáy, phân bố chủ yếu ở Nga Sơn có diện tích khoảng 4.719ha.

Tiểu vùng 2: Là vùng đất cát biển chịu ảnh hưởng phù sa sông Mã, được phân bố ở Hậu Lộc, Hoằng Hóa có diện tích khoảng 7.300ha.

Tiểu vùng 3: Gồm dải đất ven biển của Sầm Sơn, Quảng Xương và Tĩnh Gia có diện tích khoảng 10.000ha.

Loại đất này có thành phần chủ yếu là cát pha, cát thô, nghèo chất dinh dưỡng, đất cát biển tơi xốp nhưng lại rất dễ mất nước, thích hợp trồng các loại cây có củ, quả như: khoai lang, lạc, vừng, đỗ các loại. Đây là vùng trồng màu lớn nhất của tỉnh Thanh Hoá. Trong tổng diện tích đất cát biển, đất có khả năng nuôi trồng thủy sản nước lợ là 10.386ha.

Nhóm đất mặn (M): Có diện tích 9.941,84 ha chiếm 8,4% đất tự nhiên của vùng, phân bố ở địa hình thấp, vùn thấp ở các cửa sông như: Lạch Trường, Lạch Sung, Lạch Bạng,... Đây là loại đất có nguồn gốc phù sa bị nhiễm mặn do nước biển hoặc do nước thủy triều bổ sung liên tục theo quy luật mạch nước ngầm chứa muối dâng lên theo mao quản của đất. Đặc điểm chung của nhóm đất này là có hàm lượng dinh dưỡng khá, độ pH từ chua đến ít chua, đất thường bị ngập nước, thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng. Mặc dù đất có hàm lượng dinh dưỡng khá nhưng đất thường bị ngập nước và tổng số muối tan cao nên chỉ thích hợp với sinh vật ưa mặn: tôm, cua, cói, rau câu và trồng rừng phòng hộ. Loại đất này phân bố thành hai tiểu vùng:

Tiểu vùng 1: Đất mặn hình thành do ảnh hưởng của phù sa sông Hồng, sông Đáy, diện tích 3378 ha, phân bố ở Nga Sơn (Nga Điền, Nga Thái,...), Hậu Lộc (Đa Lộc).

Tiểu vùng 2: Tạo nên bởi phù sa biển và phù sa hệ thống sông Mã, sông Yên phân bố ở Hậu Lộc, Hoàng Hoá, thị xã Sầm Sơn, Quảng Xương, Tĩnh Gia.

Nhóm đất phèn (S): Có diện tích 6.184,75ha chiếm 5,22% diện tích tự nhiên của vùng, phân bố chủ yếu ở Quảng Xương và Tĩnh Gia, được hình thành do sản phẩm bồi tụ phù sa có vật liệu sinh phèn, phát triển trong môi trường ngập mặn, khó thoát nước. Loại đất này bất lợi cho sản xuất, cần được cải tạo kết hợp với chọn giống, tăng cường thâm canh và bảo vệ thực vật mới cho năng suất tốt.

Nhóm đất phù sa (P): Có diện tích 43.990,21ha chiếm 37,18% diện tích tự nhiên của vùng, tập trung ven các sông và một phần ven biển. Đây là loại đất có giá trị lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp, cư trú và xây dựng. Nhóm đất này có các loại sau:

Đất phù sa được bồi hàng năm (Pb): Phân bố ở các bãi sông, có diện tích 2833,7ha, tầng đất dày, thường xuyên được bổ sung một lớp phù sa vào mùa nước lũ, thành phần tầng đất không đồng nhất, phụ thuộc vào thời gian và tốc độ của dòng chảy. Đây là loại đất rất tốt cả về tính chất vật lý và hóa học. Chúng rất thích hợp cho lúa và rau màu, tuy nhiên cần bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, tránh mùa lũ.

Đất phù sa không được bồi hàng năm (P): Có diện tích 9.089ha, nằm ở vùng khá cao gần đê của các con sông lớn. Đặc điểm của loại đất này có thành phần cơ giới từ thịt nhẹ đến thịt trung bình, hàm lượng các chất dinh dưỡng khá về mùn, đạm, lân, kali, đất toai xốp, ít chua, thích hợp với việc trồng lúa nước và nhiều loại cây màu, cây công nghiệp hàng năm.

Đất phù sa glây (Pg): Có diện tích 20.151,9ha và phân bố ở những nơi có địa hình thấp, trũng, hay tương đối bằng phẳng. Loại đất này trước đây thường bị ngập nước gần như quanh năm nên chỉ trồng được 1 vụ lúa chiêm, nhưng từ khi có các công trình thủy lợi, chủ động được tưới tiêu, nhiều nơi đất đã được cải tạo, có kết cấu tốt, đỡ chua hơn nên trồng 2 vụ lúa, hoặc 2 vụ lúa và 1 vụ màu. Nơi thấp người ta đang cải tạo để nuôi tôm, cá từ vụ mùa đến vụ đông nhưng hiệu quả chưa cao.

Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng (Pf): Có diện tích 7.082,21ha. Loại đất này nằm ở địa hình cao ở đồng bằng. Bản chất là đất phù sa sông nhưng do địa hình cao, khí hậu nóng ẩm mưa theo mùa và chế độ độc canh lúa nước nên tầng mặt bị rửa trôi chất dinh dưỡng vào mùa mưa và hình thành các kết von. Phần diện đất có tầng dưới màu vàng, đỏ loang lỗ xen kẽ, nhiều nơi đã có kết von bề mặt. Thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, độ pH từ chua đến ít chua, nghèo dinh dưỡng. Đây là loại đất được khai thác từ rất lâu và hiện đang trồng 1 vụ lúa, 1 vụ màu hay chiêm màu. Một phần là đất thổ cư và vườn của các hộ gia đình.

Đất phù sa úng nước mùa hè (Py): Có diện tích 4.594,34ha, tập trung ở các địa hình thấp trũng, khó thoát nước thuộc các huyện Nga Sơn, Hoằng Hóa và Quảng Xương. Loại đất này trước chỉ trồng được 1 vụ Lúa Chiêm nhưng do cải tạo đất nhiều nơi đã trồng được 2 vụ lúa. Nơi thấp đang được cải tạo để nuôi tôm, cá từ vụ Mùa đến vụ đông.

Nhóm đất đỏ vàng (F): Có diện tích 6.635,0 ha chiếm 5,6% diện tích tự nhiên của vùng. Đất tập trung ở Tĩnh Gia. Loại đất này được hình thành và phát triển trên nhiều loại đá mẹ khác nhau: phiến sét, đá cát kết,.. với các loại đất như Fs, Fq. Đặc điểm chung của loại đất này là có phản ứng chua, có sự tích lũy sắt, nhôm cao, dễ bị rửa trôi, kết cấu bền vững, tầng đất tương đối mỏng. Loại đất này đang được sử dụng để trồng cây công nghiệp và trồng rừng.

Đất bạc màu (B): Có diện tích 7.791,47ha chiếm 6,58% diện tích đất tự nhiên của vùng. Đất này gồm 2 loại: đất bạc màu trên sản phẩm dốc tụ và đất bạc màu trên nền phù sa cổ. Chúng phân bố ở vùng đồng bằng cổ. Bản chất là đất phù sa và đất dốc tụ có địa hình cao, nhưng được khai thác từ rất lâu đời, kết hợp với điều kiện mưa lớn theo mùa đã làm cho tầng mặt bị rửa trôi mạnh, bạc màu; thành phần cơ giới tầng mặt từ cát mịn đến cát pha, đất tơi, rời rạc không có kết cấu, nghèo dinh dưỡng và chua. Nhiều nơi hiện tượng kết von, đá ong hóa đã nổi lên bề mặt. Loại đất này đang được sử dụng để trồng lúa, màu, cây công nghiệp nhưng năng suất không cao.

Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (E): Có diện tích 10.136,6 ha chiếm 8,56% diện tích đất tự nhiên của vùng. Tầng đất mỏng, nhiều nơi trơ sỏi đá. Thành phần cơ giới lớp đất mặt từ thịt nhẹ đến cát pha, màu sắc lớp đất từ xám nâu đến xám sáng, thoát nước tốt, giữ nước kém, đất chua, nghèo mùn, nghèo dinh dưỡng và chất dễ tiêu. Cây trồng chủ yếu là thông, trầm, keo và một số cây gỗ ưa điều kiện khô hạn. Phần lớn diện tích đất này là loại cây bụi. Đất được cải tạo có thể trồng các cây công nghiệp lâu năm và các cây lâm nghiệp.

Ngoài các loại đất ven biển trên, vùng ven biển Thanh Hóa còn có một diện tích tương đối lớn *đất ngập nước ven biển*. Loại đất này tập trung ven các cửa sông, dọc bờ biển Thanh Hóa.

Đất ngập nước ở ven biển là nguồn tài nguyên quan trọng được sử dụng vào nhiều mục đích khác nhau trong đó có nuôi trồng thủy hải sản, du lịch và bảo tồn. Các huyện và thị xã ven biển Thanh Hóa đã sử dụng loại tài nguyên này vào mục đích du lịch như các bãi tắm ở thị xã Sầm Sơn, cụm du lịch sinh thái biển ở Hải Tiến - huyện Hoằng Hóa, Hải Hòa và Nghi Sơn của huyện Tĩnh Gia.

Ngoài ra đất ngập nước còn được sử dụng cho nuôi trồng thủy - hải sản, loại hình này phân bố ở vùng cửa các lạch, bãi bồi... đã mang lại nguồn thu đáng kể cho địa phương. Hiện chưa có những thống kê chi tiết về hiện trạng và diện tích sử dụng đất ngập nước của từng huyện ven biển Thanh Hóa. Tổng diện tích cho nuôi trồng thủy sản nước lợ và mặn là 5201 ha năm 2005 đến năm 2011 diện tích này 5219 ha, con số này chưa phản ánh hết được diện tích và vai trò của đất ngập nước ven biển nhưng là những vấn đề cần được quan tâm hơn nữa để có khả năng quy hoạch sao cho hợp lý và phục vụ tốt hơn mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Riêng ven biển Sầm Sơn, diện tích các ao, hồ và mặt nước chuyên dùng khoảng 300 ha; riêng mặt nước cho nuôi trồng thủy sản 166,6 ha năm 2005 và đến năm 2010 diện tích này còn 159,4 ha.

Vùng ven biển Thanh Hóa có sự đa dạng của các loại đất từ đất đỏ vàng ở đồi núi phía tây đến đất phù sa ở đồng bằng và đất mặn, đất cát ven bờ biển. Các loại đất này đã tạo nên sự phân hóa trong thảm thực vật và đặc biệt trong cơ cấu cây trồng với diện tích lúa và cây hoa màu phát triển trên đất phù sa và đất cát chiếm ưu thế.

2.2. Hiện trạng sử dụng đất ở các huyện ven biển

Bảng 1. Biến động diện tích đất phân theo huyện

(Đơn vị: ha)

TT	Tên huyện	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	2015 - 2010	
								-	+
1	Nga Sơn	15.829	15.829	15.837	15.837	15.837	15.837		8
2	Hậu Lộc	14.367	14.367	14.367	14.367	14.367	14.367		0
3	Hoằng Hóa	22.473	22.473	20.220	20.220	20.220	20.220	273	
4	TX. Sầm Sơn	1.789	1.789	1.784	1.784	1.784	1.784	5	
5	Quảng Xương	22.780	22.780	20.043	20.043	20.043	20.043	2.737	
6	Tĩnh Gia	45.829	45.829	45.829	45.829	45.829	45.829		0

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa 2015)

Qua bảng số liệu có thể thấy được sự biến động diện tích tự nhiên của các huyện cụ thể như sau:

Huyện Nga Sơn tăng 8ha do sự mở rộng vùng đất ven biển bởi ảnh hưởng của hệ thống sông Hồng (sông Đáy) phía Bắc cùng với vùng đất huyện Kim Sơn, Ninh Bình và đây cũng là huyện có diện tích đất ngập nước ven biển lớn.

Các huyện Hậu Lộc, Tĩnh Gia và Sầm Sơn không có sự thay đổi nhiều.

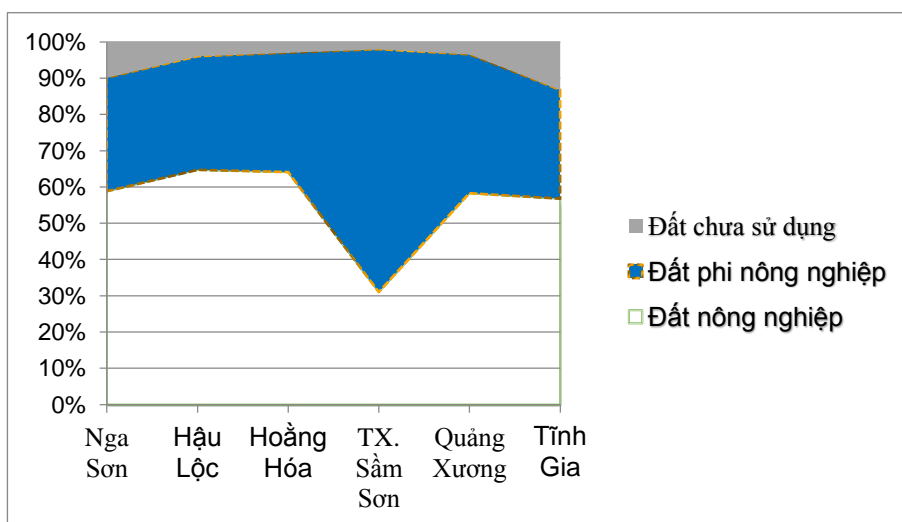
Huyện Hoằng Hóa và Quảng Xương có sự giảm diện tích đất tự nhiên là do sự quy hoạch mở rộng diện tích thành phố Thanh Hóa (6 xã huyện Hoằng Hóa và 5 xã huyện Quảng Xương sáp nhập vào thành phố).

Bảng 2. Hiện trạng sử dụng đất các huyện ven biển Thanh Hóa đến 31/12/2015

TT	Tên huyện	Diện tích tự nhiên	Đất nông nghiệp		Đất phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng	
			ha	%	ha	%	ha	%
1	Nga Sơn	15.837	9.312,60	58,80	4.961,15	31,32	1.563,03	9,87
2	Hậu Lộc	14.367	9.307,02	64,78	4.497,44	31,30	562,73	3,92
3	Hoằng Hóa	20.220	12.968,14	64,13	6.648,60	32,88	603,05	2,98
4	TX. Sầm Sơn	1.784	554,31	31,07	1.193,39	66,89	35,86	2,01
5	Quảng Xương	20.043	11.679,02	58,27	7.677,22	38,30	686,34	3,42
6	Tĩnh Gia	45.829	26.044,60	56,83	13.737,6	29,97	6.046,47	13,19
Tổng		118.080	69.865,69	59,17	38.715,4	32,79	9.497,48	8,04

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa 2015)

Hình 1. Biểu đồ cơ cấu sử dụng đất năm 2015 của các huyện ven biển Thanh Hóa



Qua bảng hiện trạng sử dụng đất năm 2015 ta thấy, Tĩnh Gia là huyện có diện tích tự nhiên lớn nhất với 45.829 ha, tiếp đến là huyện Hoằng Hóa, Quảng Xương, Nga Sơn,

Hậu Lộc và nhỏ nhất là thị xã Sầm Sơn với 1.784 ha. Trong các loại đất, đất nông nghiệp có diện tích lớn nhất 59,1% diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp 32,8% diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng chiếm 8,1% diện tích tự nhiên. Như vậy, sản xuất nông nghiệp vẫn là hoạt động kinh tế chính ở các huyện ven biển Thanh Hóa (trừ thị xã Sầm Sơn).

Bảng 3. Diện tích đất theo mục đích sử dụng vùng ven biển Thanh Hóa

(Đơn vị: ha)

Chỉ tiêu	Năm 2005		Năm 2010		Năm 2015	
	Diện tích	Cơ cấu%	Diện tích	Cơ cấu%	Diện tích	Cơ cấu%
Tổng đất tự nhiên	122905.09	100	122527.49	100	118078.57	100
Đất nông nghiệp	74766.36	60,83	74119.76	60,5	69865.69	59,1
Đất phi nông nghiệp	34607.48	28,16	37878.31	30,9	38715.4	32,8
Đất chưa sử dụng	13531.25	11,01	10529.42	8,6	9497.48	8,1

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Thanh Hóa năm 2005, 2010 và 2015)

Từ bảng số liệu cho thấy diện tích đất tự nhiên liên tục giảm từ đó kéo theo diện tích các loại đất khác cũng giảm theo, tuy nhiên trong cơ cấu diện tích đất 3 năm, đất nông nghiệp luôn xấp xỉ 60%, đất phi nông nghiệp đang có sự tăng dần từ 28,16% lên 32,8% do xu hướng chung của nước ta; còn đất chưa sử dụng giảm dần từ 11,01% xuống 8,1% do hoạt động khai hoang, cải tạo.

Tài nguyên đất là cơ sở quan trọng để hình thành ngành nông - lâm nghiệp khu vực ven biển và bảo vệ những hệ sinh thái độc đáo ven biển. Các loại đất này cũng cho phép phát triển nuôi trồng thủy sản nước lợ như: tôm sú, cua, rau câu,... đặc biệt là những vùng đất hoang hoá, đất không có khả năng trồng cây mang lại hiệu quả kinh tế cao, các vùng ruộng trũng ngập nước.

2.3. Định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên đất ven biển Thanh Hóa

Ven biển Thanh hóa với sự đa dạng các loại đất, trong đó có 3 nhóm đất chính là đất cát, đất mặn và đất phù sa. Hiện nay, việc sử dụng tài nguyên đất ven biển đang đặt ra nhiều vấn đề, trong đó khai thác có hiệu quả vốn đất sẵn có đồng thời lập quy hoạch sử dụng đất trong thời gian tới là rất quan trọng và cấp thiết.

2.3.1. Đối với đất nông nghiệp

Đây là nhóm đất có diện tích lớn nhất nên việc lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý luôn là vấn đề được các huyện quan tâm, trong đó đất sản xuất nông nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản chiếm tỷ lệ lớn. Vì vậy để phát triển lâu dài khu vực ven biển cần tập trung với hướng ưu tiên vào các vùng sau:

Vùng trồng cây xuất khẩu

Vùng sản xuất cói tập trung ở các huyện: Nga Sơn, Quảng Xương.

Vùng sản xuất lạc tập trung đầu tư thâm canh cao ở các huyện Tĩnh Gia, Hoằng Hoá, Hậu Lộc, Nga Sơn với tổng diện tích 10 - 10,5 nghìn ha.

Xây dựng các vùng tập trung sản xuất lương thực chất lượng cao

Vùng chuyên canh sản xuất lúa chất lượng cao quy mô khoảng 50 nghìn ha, tập trung ở các huyện: Quảng Xương, Hoằng Hoá.

Sản xuất ngô chất lượng cao tại các huyện: Hoằng Hoá, Hậu Lộc.

Vùng sản xuất rau, thực phẩm chế biến xuất khẩu ở các huyện: Hoằng Hoá, Hậu Lộc, Tĩnh Gia, Quảng Xương, Nga Sơn...

Vùng phát triển hoa, cây cảnh: Vùng ven khu đô thị, khu công nghiệp tập trung.

Vùng nuôi trồng thủy sản tập trung

Chủ yếu tập trung ở các huyện thuộc vùng ven biển và đồng bằng như Hoằng Hoá, Quảng Xương, Hậu Lộc, Tĩnh Gia, Nga Sơn.

Để mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản cần: Đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp, chuyển đổi mạnh diện tích ruộng trồng cây lúa năng suất thấp sang nuôi thủy sản nước ngọt, lấy nuôi trồng thủy sản là khâu đột phá để tăng sản lượng và giá trị sản xuất trong cơ cấu sản lượng và giá trị ngành thủy sản.

2.3.2. Đối với đất phi nông nghiệp

Nhu cầu nhà ở, công trình công cộng, hành chính sự nghiệp và hoạt động sản xuất kinh doanh đều có xu hướng tăng. Bố trí hợp lý diện tích đất cho từng loại hình sử dụng sẽ đem lại hiệu quả kinh tế. Hiện nay, với xu thế chung của thế giới, khu vực và của đất nước, hoạt động công nghiệp và dịch vụ vùng ven biển khá phát triển nên 2 loại đất này đã được tinh quan tâm và đưa ra những quyết định rất kịp thời.

Đất công nghiệp

Trên quan điểm phát triển nhanh và vững chắc ngành công nghiệp làm nền tảng cho tăng trưởng nhanh và chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hoạt động công nghiệp ven biển khá phát triển, đặc biệt với sự ra đời của khu kinh tế Nghi Sơn đã tạo động lực lớn cho sự phát triển kinh tế toàn tỉnh. Việc ưu tiên giành quỹ đất cho sản xuất công nghiệp được triển khai ở nhiều huyện, tuy nhiên chưa hình thành các khu công nghiệp tập trung mà chủ yếu là các nhà máy, xí nghiệp nhỏ lẻ. Hiện nay chỉ mới có một số khu công nghiệp được hình thành như khu công nghiệp Hoàng Long (Hoằng Hóa) 286ha, khu công nghiệp Thạch Quảng 100ha. Theo quyết định mở rộng ngày 12/6/2015 của Thủ tướng chính phủ, khu kinh tế Nghi Sơn được điều chỉnh tăng gần 6 lần, từ 18.611,8 ha lên 106.000 ha, bao gồm 66.497,57 ha đất liền và đảo, 39.502,43

ha mặt nước. Sự kết hợp đồng bộ giữa phát triển công nghiệp với phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn, từng bước hình thành các khu, cụm công nghiệp, triển khai nhanh chóng các dự án mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn và hình thành một số khu kinh tế động lực khác (Lam Sơn, Bim Sơn, Sầm Sơn...) sẽ tạo các hạt nhân tăng trưởng cho nền kinh tế.

Đất du lịch

Thanh Hoá có bờ biển dài với nhiều bãi biển đẹp như Sầm Sơn, Hải Tiến, Hải Hoà, Nghi Sơn. Các bãi biển này đều có đặc điểm chung là dài, độ dốc thoải và nghiêng đều, bãi cát trắng mịn rất phù hợp cho tắm biển và các hoạt động vui chơi giải trí của du khách. Bên cạnh những bãi tắm đẹp là những thắng cảnh như hòn Trống Mái, đền Độc Cước, đền Cô Tiên và các đảo như Hòn Mê, đảo Nghi Sơn làm cho các tuyến du lịch biển thêm phần hấp dẫn. Ngoài các bãi tắm đẹp và nổi tiếng, Thanh Hoá còn có nhiều núi đá vôi kiến tạo, nhiều hang động đẹp với các truyền thuyết, di tích lịch sử có giá trị văn hoá cao như Động Từ Thức (Nga Sơn), Động Long Quang, Động Hồ Quang, Động Kim Sơn (thành phố Thanh Hoá). Từ những lợi thế trên tình đang tăng cường đầu tư, xúc tiến thương mại để xây dựng, cải tạo và quy hoạch các bãi biển để thu hút ngày càng đông khách du lịch tới Thanh Hóa.

3. KẾT LUẬN

Các huyện ven biển Thanh Hóa có tiềm năng lớn về tài nguyên đất, với xu hướng chung hiện nay, diện tích đất nông nghiệp đang giảm dần (từ hơn 70% giảm xuống dưới 60% diện tích đất tự nhiên) do chuyển đổi sang các mục đích sử dụng khác nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Đặc biệt, dải ven biển có nhiều lợi thế trong phát triển kinh tế biển, với hướng ưu tiên cho phát triển công nghiệp và dịch vụ biển nên diện tích đất phi nông nghiệp đang tăng lên nhanh chóng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cục thống kê tỉnh Thanh Hóa (2015), *Niên giám thống kê Thanh Hóa 2015*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
- [2] Trần An Phong (1995), *Đánh giá hiện trạng sử dụng đất ở nước ta theo quan điểm sinh thái và phát triển lâu bền*, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.
- [3] Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa (2010), *Báo cáo tổng hợp dự án QHSD đất giai đoạn 2011-2020 và KHSD đất 5 năm (2011-2015) tỉnh Thanh Hoá*.
- [4] Lê Thông (chủ biên), Nguyễn Minh Tuệ, Nguyễn Văn Phú, Lê Huỳnh, Phi Công Việt (2001), *Địa lí các tỉnh và thành phố Việt Nam (Các tỉnh vùng Tây Bắc và vùng Bắc Trung Bộ)*, Tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [5] Lê Văn Trường (2002), *Giáo trình Địa lí Thanh Hóa cho sinh viên khoa Khoa học Xã hội*, Trường Đại học Hồng Đức, tỉnh Thanh Hóa.

CHARACTERISTICS OF LAND RESOURCE AND STATUS QUO OF LAND USE IN THANH HOA COASTAL DISTRICTS

Le Ha Thanh

ABSTRACT

Thanh Hoa coastal districts have many rivers flowing through and a long the coastline with greata deal of bays which create sea-river alluvial plain. Alluvial soil, sandy soil and alkaline soil occupy a considerable area among many soil types. These types of soil are very favourable for agricultural development, especially rice, vegetables and ephemeral crops. In recent years, socio-economic development has changed so much which mares the land use area of the region very different. The article studies characteristic of land resource and status quo of land use (from 2010 - 2015) in Thanh Hoa coastal districts, from that recommend orientations for sensible land use in the coming time.

Keywords: *Coastal area, Thanh Hoa, land resource, land use status quo, alluvial soil.*